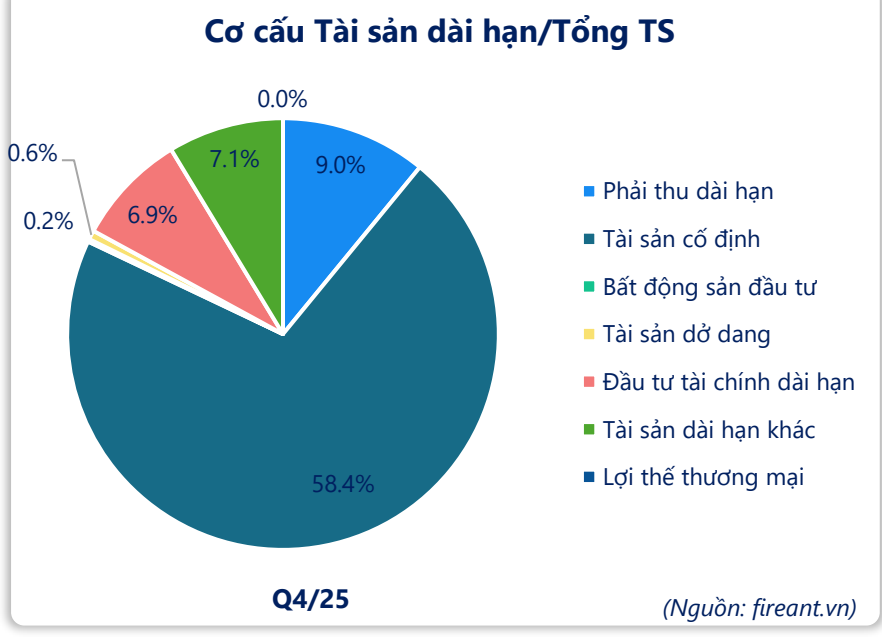
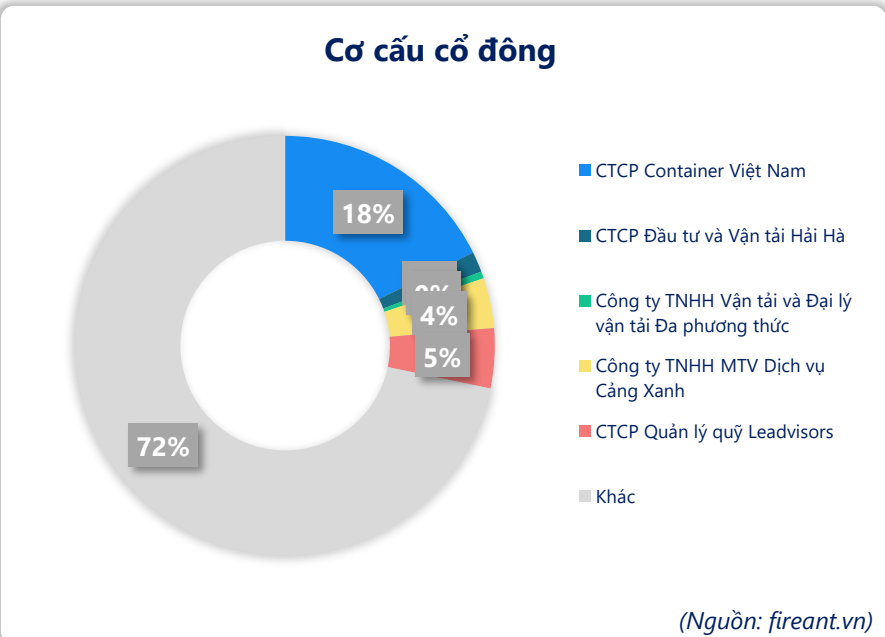
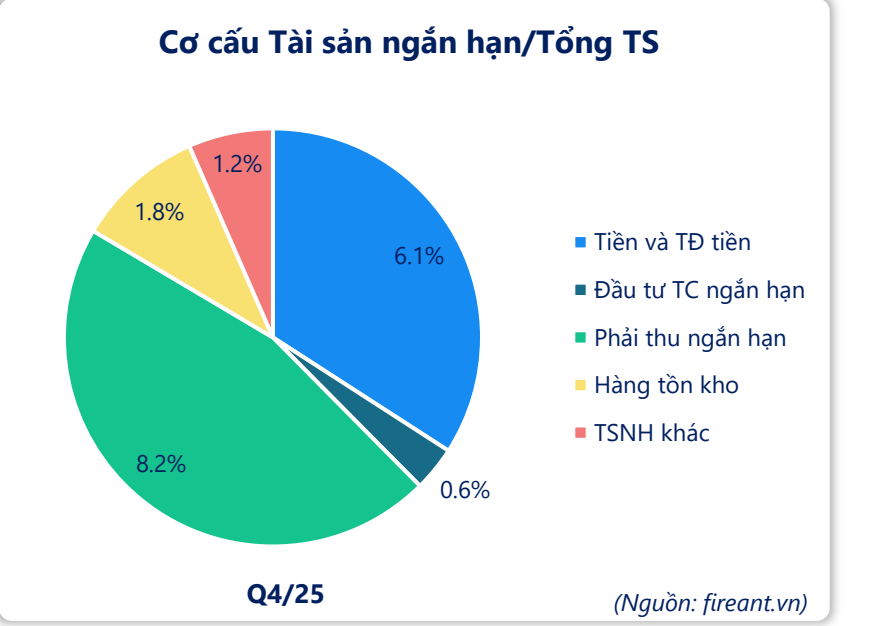
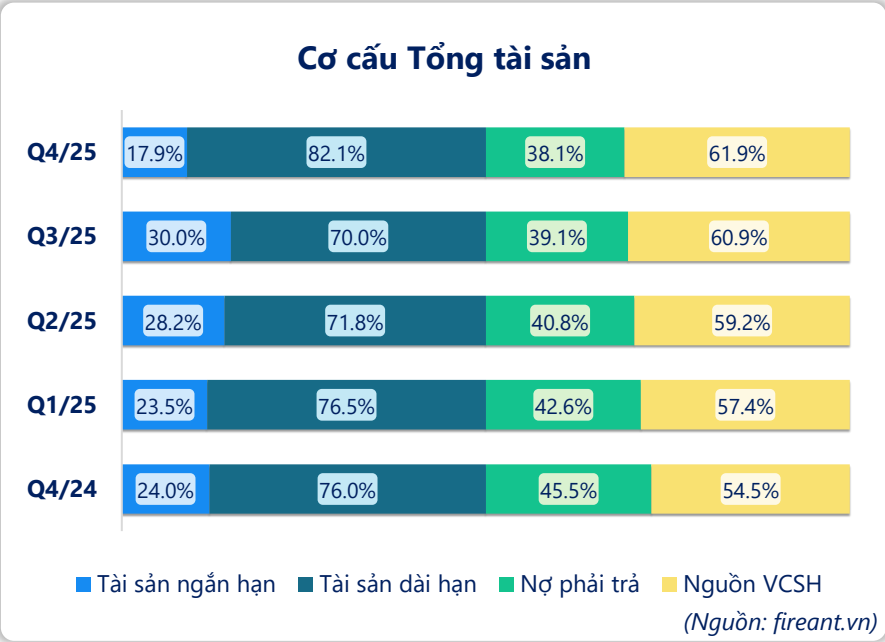
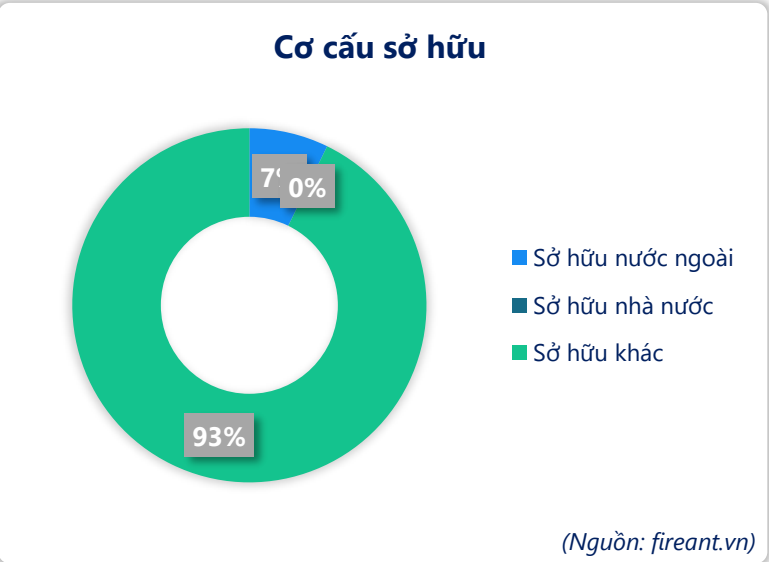
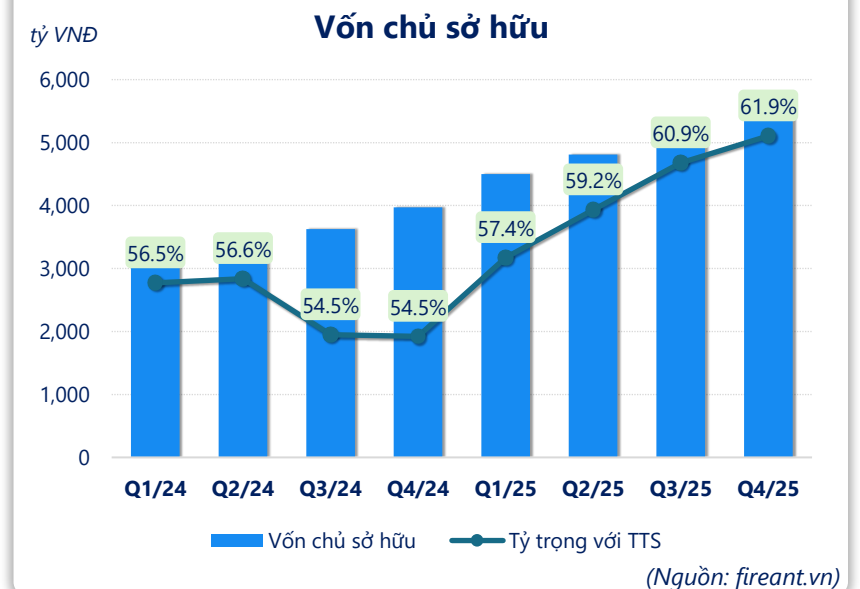
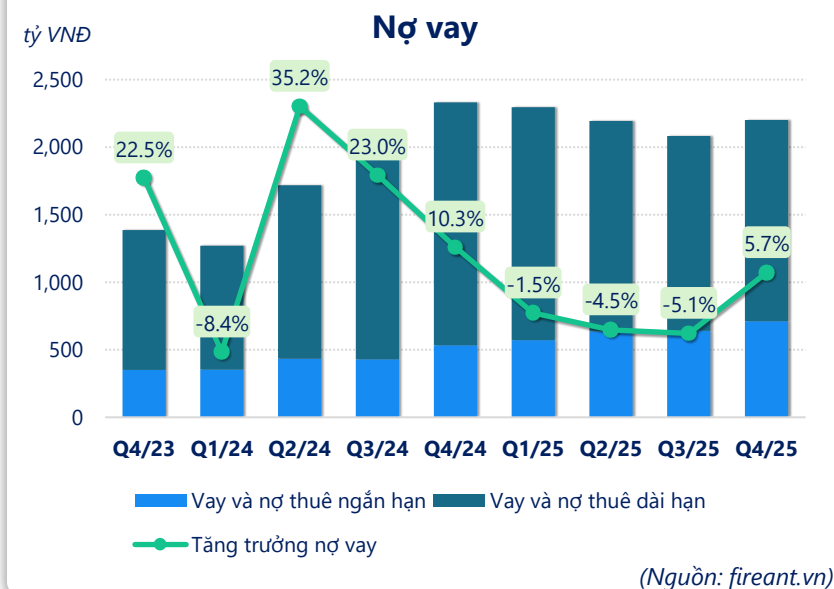
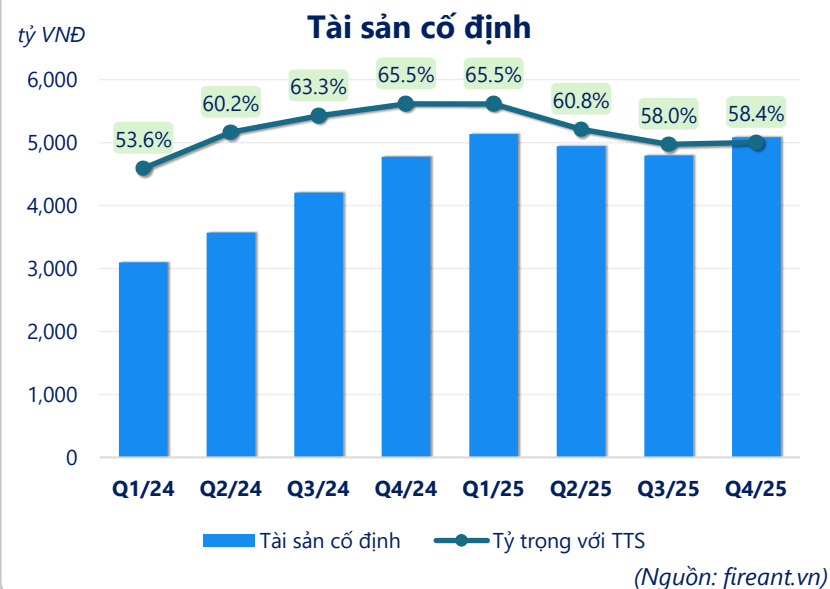
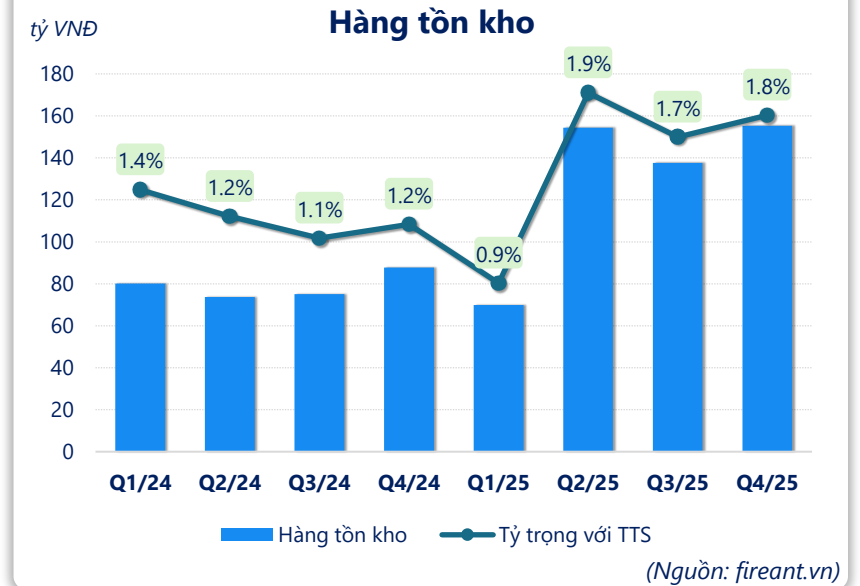
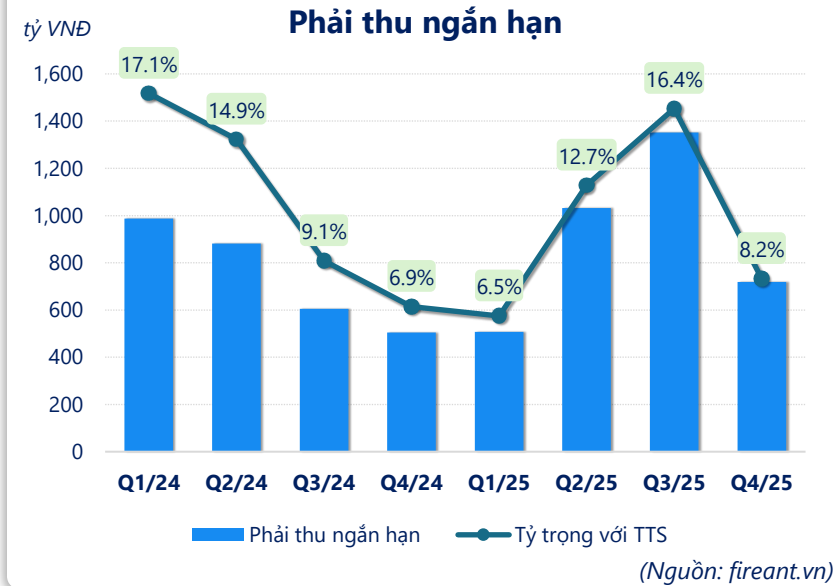
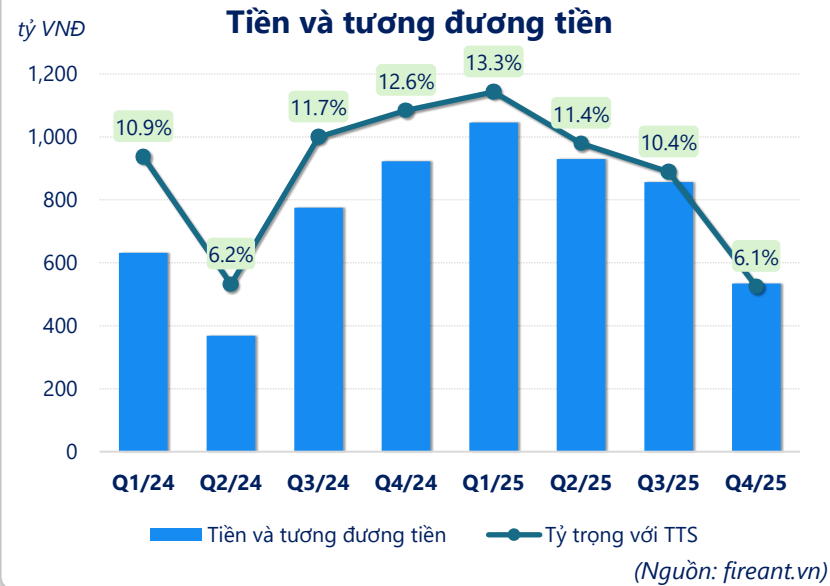
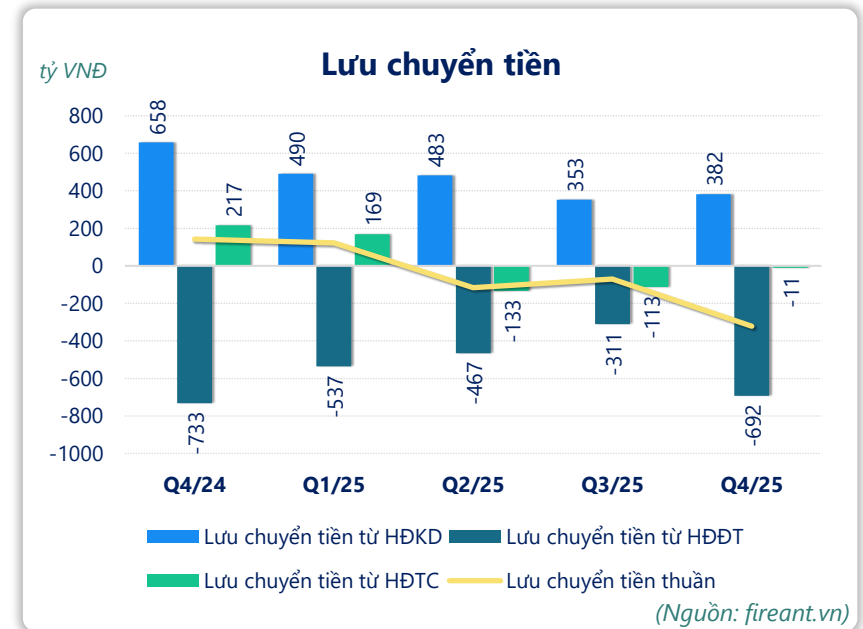
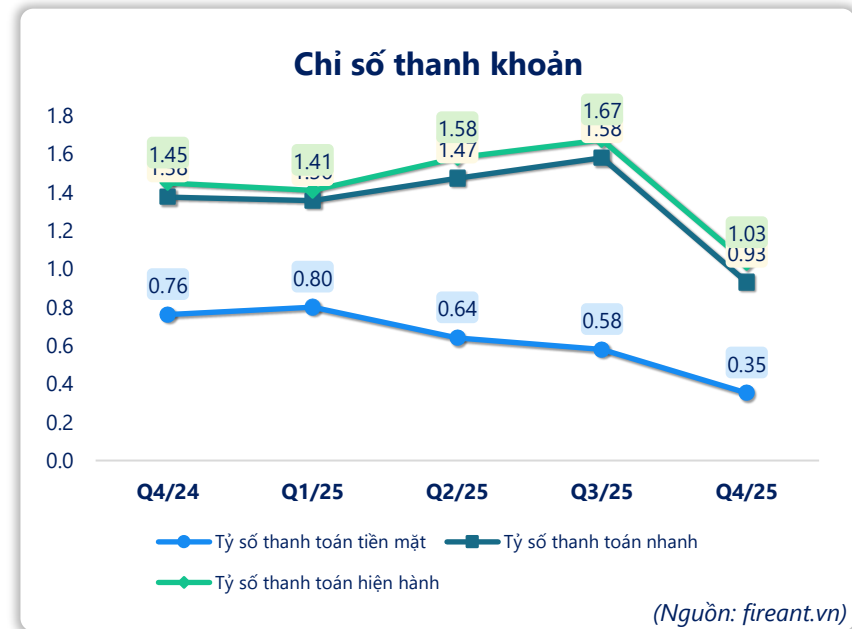
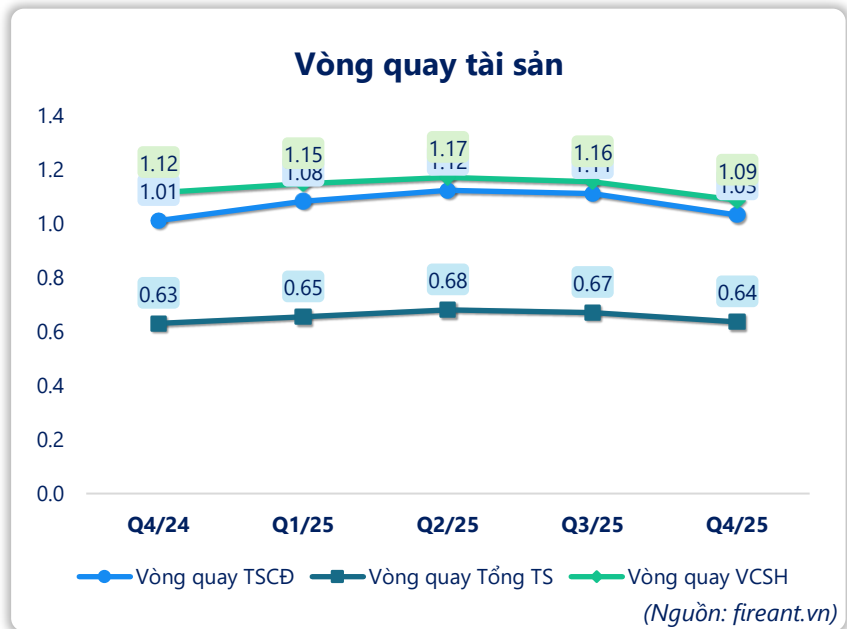
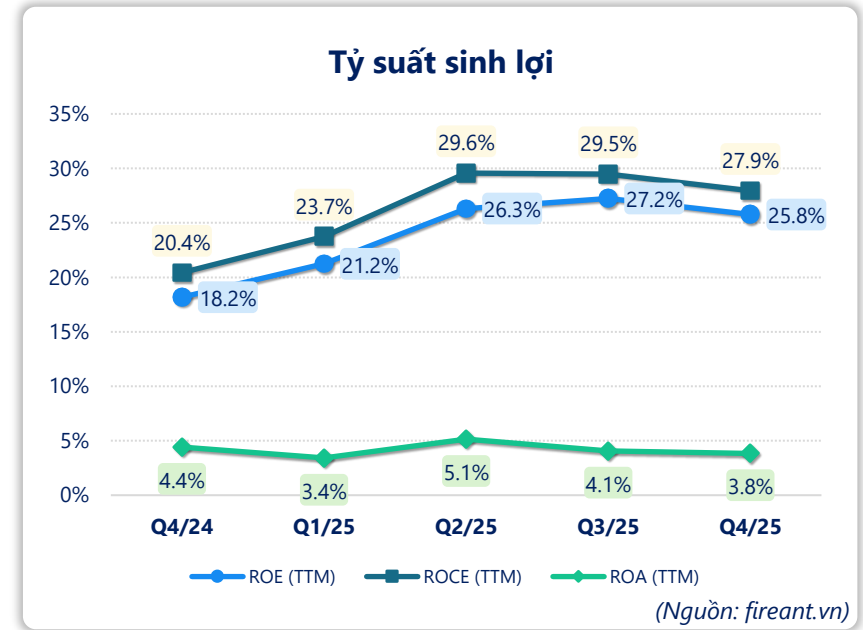
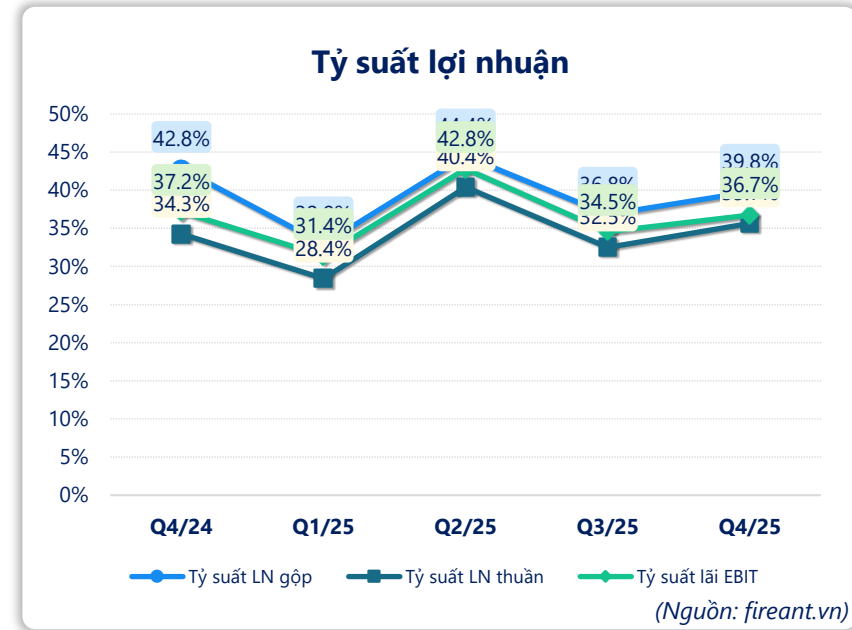
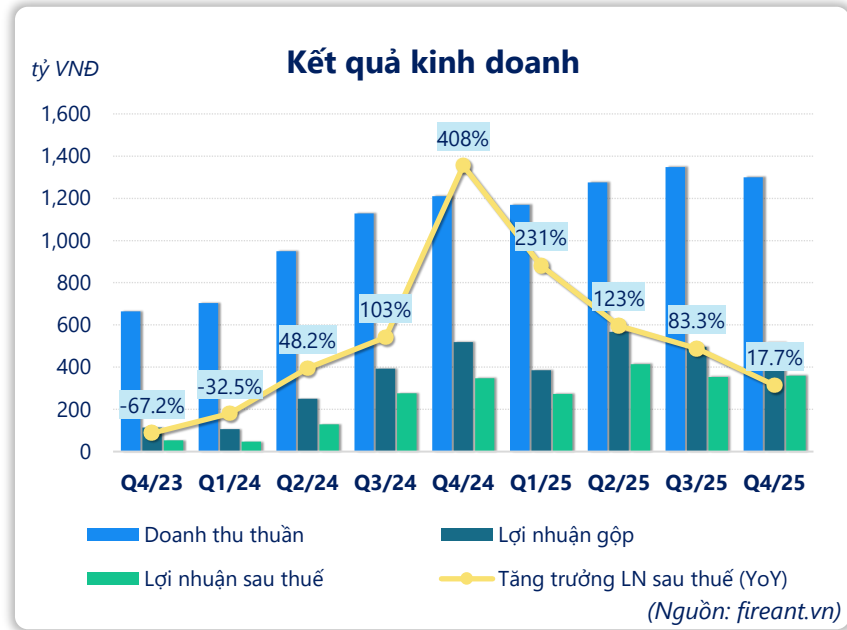


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		58,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		67,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		34,198
SL cổ phiếu LH		168,861,212
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,403,620
% sở hữu nước ngoài		7.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		9,912
P/E		8.2
EPS		7,145

	YTD	1T	3T	6T
HAH	56.4%	-4.6%	6.1%	10.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,714	7,290	19.5%
Tài sản ngắn hạn	1,564	1,753	-10.8%
Tiền và tương đương tiền	534	922	-42.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	54.0	70.5	-23.4%
Phải thu ngắn hạn	718	504	42.4%
Hàng tồn kho	155	87.8	76.9%
Tài sản ngắn hạn khác	103	168	-39.1%
Tài sản dài hạn	7,150	5,537	29.1%
Phải thu dài hạn	782	113	592%
Tài sản cố định	5,085	4,775	6.5%
Bất động sản đầu tư	14.5	0	
Tài sản dở dang	48.8	20.8	135%
Đầu tư tài chính dài hạn	600	174	245%
Tài sản dài hạn khác	620	382	62.3%
Lợi thế thương mại	0	72.3	-100%
Nợ phải trả	3,319	3,318	0.0%
Nợ ngắn hạn	1,514	1,210	25.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	711	532	33.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	275	206	33.7%
Nợ dài hạn	1,805	2,108	-14.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,489	1,798	-17.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,395	3,972	35.8%
Vốn chủ sở hữu	5,395	3,972	35.8%
Vốn điều lệ	1,689	1,213	39.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,211	1,169	1,275	1,348	1,300
Giá vốn hàng bán	692	784	708	852	782
Lợi nhuận gộp	518	385	567	496	517
Doanh thu HĐTC	8.15	12.1	13.5	14.3	11.9
Chi phí TC	31.0	36.5	39.0	33.5	38.5
Chi phí lãi vay	31.9	33.8	32.6	30.3	34.6
LN trong công ty LKLD	6.26	5.39	5.69	7.02	8.11
Chi phí bán hàng	0	0	0	45.9	0
Chi phí QLDN	86.8	33.8	32.0	0	35.5
LN thuần từ HĐKD	415	332	515	438	463
Lợi nhuận khác	3.35	0.94	-2.04	-2.76	-20.8
LN trước thuế	418	333	513	435	443
Lợi nhuận sau thuế	348	274	414	353	360
LNST của CĐ cty mẹ	280	233	362	304	308

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	658	490	483	353	382
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-733	-537	-467	-311	-692
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	217	169	-133	-113	-11.3
Tiền đầu kỳ	775	922	1,045	929	857
Lưu chuyển tiền thuần	143	122	-117	-71.0	-322
Ảnh hưởng tỷ giá	4.34	0.87	0.74	-1.32	-1.48
Tiền cuối kỳ	922	1,045	929	857	534

(Nguồn: fireant.vn)